

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI HOA TRONG VIỆC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI Ở NAM BỘ (THẾ KỶ XVII - XIX)

THE ROLE OF HOA PEOPLE (CHINESE) IN THE FORMATION
AND DEVELOPMENT OF TRADING CENTERS IN THE SOUTH VIET NAM
(17TH – 19TH CENTURY)

*Nguyễn Thị Ánh Nguyệt**

ĐẶT VẤN ĐỀ

So với các nước trong khu vực, người Hoa di cư sang Việt Nam từ khá sớm. Không kể binh lính và các đội quân, việc người Hoa di cư vào Việt Nam rồi định cư ở đây thường diễn ra phổ biến từ sau các cuộc nội chiến ở Trung Quốc¹. Trải qua nhiều thế kỉ, người Hoa đã xuất hiện trên khắp ba miền Bắc - Trung - Nam Việt Nam. Trong khoảng thời gian từ thế kỉ XVII đến XIX, những thương buôn và đội ngũ quan quân thất bại trong phong trào “Phản Thanh phục Minh” chạy đến Đàng Trong xin yết kiến chúa Nguyễn và xin tỵ nạn. Chúa Nguyễn đã dùng họ đi khai phá các vùng đất mới ở Nam Bộ. Trải qua quá trình sinh sống, họ đã lập nên những làng, những phố của mình; hình thành nên những cộng đồng người Hoa ổn định và phát triển, trở thành một bộ phận cư dân của cộng đồng dân tộc Việt. Sự có mặt của người Hoa ở Nam Bộ trong nhiều thế kỉ, đặc biệt là khoảng thời gian từ thế kỉ XVII đến XIX, đã để lại những dấu ấn sâu đậm với các đô thị phát triển sầm uất, đó là Nông Nại đại phố (Cù Lao Phố); Mỹ Tho đại phố; Thương cảng Hà Tiên; Chợ Lớn². Trên cơ sở tìm hiểu quá trình định cư cũng như chính sách của các chúa Nguyễn đối với người Hoa, bài viết tập trung làm rõ vai trò của người Hoa đối với sự hình thành và phát triển của bốn trung tâm thương mại ở Nam Bộ trong các thế kỷ XVII - XIX.

1. Quá trình định cư của người Hoa trên vùng đất Nam Bộ

Người Hoa di cư vào Việt Nam cũng như tới các nước trong khu vực Đông Nam Á là một quá trình diễn ra rất phức tạp, lâu dài, liên tục, trong nhiều đợt với nhiều hình thức từ lẻ tẻ, tự phát đến ồ ạt và quy mô. Đầu thế kỷ XVI, sau những đợt cấm đạo và triệt đạo (Công giáo) tại Trung Quốc, nhiều người Hoa đã phải chạy loạn, theo đường biển xuống phía Nam đến Đàng Trong (Việt Nam) để xin tỵ nạn. Chúa Nguyễn Hoàng cho họ định cư tại Hội An

* Tiến sĩ, Trường Đại học KHXH&NV - ĐH QG-HCM.

¹ Đó là các thời kỳ cuối Đường - đầu Tống (960-1279); cuối Tống - đầu Nguyên (1279-1368); cuối Nguyên - đầu Minh (1368-1644); cuối Minh - đầu Thanh (1644-1911).

² Trong đó, ở Nông Nại đại phố (Cù Lao Phố); Mỹ Tho đại phố; Thương cảng Hà Tiên vai trò của người Hoa chỉ nổi lên trong một thời gian rồi suy yếu cùng với sự suy tàn của các đô thị này. Nhưng ở Chợ Lớn, vai trò hoạt động thương mại của người Hoa vẫn trường tồn theo năm tháng và ngày càng phát triển, từ đô thị thương mại trong thế kỷ XVIII đến nay đã trở thành một thành phố thương mại sầm uất nhất của nước Việt Nam.

(FaiFo). Các chúa Nguyễn đã dựa vào cộng đồng người Hoa định cư tại Hội An thực hiện các dịch vụ trung gian trao đổi với phương Tây và Trung Hoa³. Sau đó, một bộ phận người Hoa - vốn là cận thần, lương tướng của nhà Minh không chịu thần phục nhà Thanh - đưa gia quyến và tâm phúc vượt biển trốn về phương Nam tìm đất dung thân đã xin thần phục chúa Nguyễn, được chúa Nguyễn cho định cư tại các tỉnh Nam Bộ để khai thác và giúp chúa Nguyễn trong việc mở rộng bờ cõi về phía Nam. Sách *Đại Nam thực lục tiền biên* chép: “*Nay đất Đông Phố nước Chân Lạp phì nhiêu nghìn dặm, triều đình chưa rỗi mà kinh lý, chi bằng lấy sức của họ đến khai khẩn để ở, làm một việc mà lợi ba điều. Chúa (Nguyễn Phúc Tần) theo lời bàn, bèn sai đặt yến ỷ lạo khen thưởng, trao cho quan chức đến ở đất Đông Phố*” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1962, tr. 136).

Vào thời điểm này, chúa Nguyễn vẫn chưa thu phục được hoàn toàn các vùng đất của Champa, biên giới phía Nam của nước Việt còn dừng lại ở Phan Rang. Chúa Nguyễn Phúc Tần đã cho hai tướng là Văn Trinh, Văn Chiêu dẫn đoàn người này theo đường biển xuôi vào Gia Định, mang theo chỉ dụ của chúa Nguyễn đến Ang Nan (phó vương Chân Lạp đang được chúa Nguyễn hậu thuẫn) yêu cầu Chân Lạp cấp đất cho nhóm di thần nhà Minh mới đến làm ăn sinh sống. Vua Chân Lạp, với tư cách phiên thuộc của chúa Nguyễn, đã đồng ý, thực chất là “*không dám không vâng*”. Về sự kiện này, *Đại Nam thực lục tiền biên* chép: “*Binh thuyền của Ngạn Dịch và Hoàng Tiến vào cửa Soài Rạp đến đóng ở Mỹ Tho; binh thuyền của Thượng Xuyên và An Bình thì vào cửa Cần Giờ, đến đóng ở Bàn Lân (Biên Hòa),...*” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1962, tr. 136).

Trong khoảng thế kỷ XVII, Mạc Cửu người gốc ở Quảng Đông, Trung Quốc đến bờ biển Cao Miên tự gây dựng cho mình sự nghiệp. Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức có đoạn: *Hà Tiên tục gọi là Mường Khảm, tiếng Tàu gọi là Phong Thành. Ban đầu có người tên là Mạc Cửu gốc xã Lê Quách, huyện Hải Khang, phủ Lô Châu, tỉnh Quảng Đông, vào thời Đại Thanh, niên hiệu Khang Hy thứ 19 (1680), nhà Minh mất hẳn (nhưng mãi đến năm Khang Hy thứ 19, vùng Quảng Đông mới bình định xong). Mạc Cửu không khuất phục chính sách buổi đầu của nhà Đại Thanh, mới chừa tóc rồi chạy qua phương Nam, trú tại phủ Nam Vang nước Cao Miên. Ông thấy ở phủ Sài Mạt của nước ấy, người Việt, người Trung Hoa, Cao Miên, Đồ Bà (Chà Và) các nước tụ tập mở trường đánh bạc để lấy râu, gọi là thuế hoa chỉ, bèn thâu mua thuế ấy, lại còn đào được một hầm bạc nên bỗng trở thành giàu có. Từ đó ông chiêu mộ dân Việt Nam lưu tán ở các xứ Phú Quốc, Lũng Kê (hay Trùng Kê, Lũng Cà - réam), Cần Bột (Cần Vọt - Kampôt), Hương Úc (Vùng Thom - Kompong Som), Giá Khê (Rạch Giá), Cà Mau lập thành bảy xã thôn. Tương truyền ở đây thường có tiên xuất hiện trên sông, do đó mới đặt tên là Hà Tiên (tiên trên sông)* (Trịnh Hoài Đức, 2005, tr. 159).

Mạc Cửu đã lập ra thị xã Hà Tiên, thu hút những dân lang thang hay những người bị khai trừ chủ yếu từ các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và cả người Chăm đến đây khai

³ Nổi nhất là hoạt động của Tòa Vụ Ty ở Hội An do những viên chức người Hoa của nhà Minh cũ được chúa Nguyễn tuyển dụng để làm công việc kiểm soát ngoại thương, thu thuế thuyền bè, làm thông ngôn cho lái buôn Trung Hoa và phương Tây đến trao đổi với Đàng Trong (Việt Nam).

hoang, lập nghiệp và dựng lên một thương cảng Hà Tiên nơi thuyền buôn đến từ bốn phương “đông tới mức người ta đếm không xuể số cột buồm”. Hà Tiên thời ấy được mệnh danh là “Tiểu Quảng Châu”, phát triển phồn thịnh (Trịnh Hoài Đức, 2005, tr. 79). Lúc này ở Gia Định, các chúa Nguyễn đã lập xong phủ Gia Định. Nhận thấy muốn tồn tại phải có thể lực đủ mạnh để bảo vệ, che chở cho lãnh địa mà ông đã tốn công gây dựng, năm 1708, “*Cửu ủy cho người bộ thuộc là Trương Cầu và Lý Xã dâng thư xin làm Hà Tiên trưởng. Chúa nhận cho, trao cho chức Tổng binh. Cử xây dựng dinh ngũ, đóng ở Phong Thành, nhân dân ngày càng đến đông*” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr. 122). Năm 1735, Mạc Cửu qua đời, con cả là Mạc Thiên Tứ (còn gọi là Mạc Thiên Tích) kế nghiệp, được bổ nhiệm làm Tổng trấn Hà Tiên với quyền lực đặc biệt đảm trách bảo vệ biên thùy.

Những giai đoạn về sau, số lượng người Hoa đến vùng Nam Bộ ngày càng tăng qua nhiều đợt di dân mỗi khi Trung Quốc hay các vùng người Hoa sinh sống có biến động về xã hội. Trải qua bao biến cố lịch sử, trong suốt quá trình di cư, định cư, cộng đồng người Hoa đã có nhiều đóng góp quan trọng trong công cuộc khai khẩn, đặc biệt là việc xây dựng những trung tâm thương mại nổi tiếng, góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội vùng đất Nam Bộ, đặt cơ sở cho kinh tế hàng hóa phát triển về sau.

2. Chính sách của chúa Nguyễn và triều Nguyễn đối với người Hoa

Như đã đề cập, từ nửa sau thế kỉ XVII, chúa Nguyễn đã sử dụng dân tị nạn chính trị Trung Hoa để khai khẩn vùng đất mới Nam Bộ⁴, cho họ sinh cơ lập nghiệp ở đó. Những kiều dân Trung Hoa được phép định cư ở những trung tâm kinh tế, đô thị, hải cảng. Sự nhập cư ồ ạt của người Hoa và sự hình thành các cộng đồng của họ như một thực thể dân cư tương đối ổn định trong cơ cấu dân cư - dân tộc Việt Nam bắt đầu từ thế kỉ XVII, một phần là kết quả của chính sách đón tiếp “nông hậu” của chúa Nguyễn và sau đó là triều Nguyễn đối với những di dân người Trung Hoa (Trần Khánh, 2000, tr. 69).

Người Hoa không những được phép cư trú vĩnh viễn tại Việt Nam mà họ còn nhận được rất nhiều ưu đãi từ phía chúa Nguyễn (1592 - 1771) và sau đó là triều đình Nguyễn (1802 - 1945) như: được hưởng quyền công dân như người Việt Nam (nếu có nguyện vọng sinh sống lâu dài), không phải làm nghĩa vụ quân dịch và lao động công ích, được trao quyền thu thuế đối với những người giỏi nghề buôn bán và giao dịch; được tham gia vào tất cả các hoạt động kinh tế và nhận được nhiều ưu đãi của chính quyền nhà Nguyễn. Nếu họ không có điều kiện mua nhà và khai khẩn đất đai thì nhà nước cho họ vay vốn; kinh doanh trong ngành khai thác mỏ thì được phép tuyển chọn, thuê nhân công; được cung cấp thẻ bài trong kinh doanh lúa gạo. Theo luật pháp được ban hành ở nửa đầu thế kỷ XIX, người Hoa đến Việt Nam định cư, sinh sống được nhà chức trách cho miễn tất cả các loại thuế trong ba năm đầu. Các thuyền buôn của người Trung Hoa cập bến tại Việt Nam chỉ phải nộp 2000 - 3000 quan tiền thuế nhập cảng, trong khi đó tàu thuyền của các nước Âu Châu phải đóng tới 8000 quan (Trịnh Hoài Đức, 2005, tr. 220). Những chính sách trên của chúa Nguyễn và triều Nguyễn không những khuyến khích thêm nhiều người Hoa nhập cư vào Việt Nam, mà

⁴ Trường hợp của Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên.

còn thúc đẩy quá trình tích lũy vốn, kinh nghiệm và các mối quan hệ bạn hàng cho sự ra đời tầng lớp nhà buôn, nhà thầu khoán Hoa Kiều trong những giai đoạn lịch sử sau đó.

Về phương diện văn hóa - xã hội, nhà Nguyễn cũng cho phép người Hoa được lập nên những bang hội truyền thống của họ. Bang được thành lập dựa trên cơ sở đồng hương, đồng phương ngữ, nhằm mục đích bảo vệ sự an toàn tính mạng, của cải vật chất của người Trung Hoa di cư trên đất khách quê người. Mặt khác, thông qua các bang, nhà Nguyễn có thể quản lý việc làm ăn, sinh hoạt và đi lại của người Hoa một cách dễ dàng hơn (Trần Khánh, 2000, tr. 70).

Như vậy, chúa Nguyễn, sau đó là triều Nguyễn trong những thế kỉ XVII - XIX đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi không những cho việc định cư, mà cho cả hoạt động kinh tế của người Hoa⁵. Nhằm tăng thu các nguồn lợi gián tiếp từ những việc buôn bán - trao đổi và tận dụng tay nghề của kiều dân Trung Hoa, nhà Nguyễn luôn tỏ ra thân thiện với họ, do đó rất nhiều người Hoa di cư đã tạo dựng được cơ nghiệp một cách vững chắc ở Nam Bộ. Điều này đã thu hút thêm những làn sóng người Hoa di cư đến Việt Nam.

3. Vai trò của người Hoa trong việc hình thành và phát triển các trung tâm thương mại ở Nam Bộ

Vào cuối thế kỉ XVII, trong khi đa phần người Việt vẫn chú trọng vào lĩnh vực truyền thống là sản xuất nông nghiệp thì người Hoa khi đến vùng đất mới, với lợi thế nhất định của mình, chủ yếu chọn các hoạt động thủ công nghiệp và thương nghiệp làm kế mưu sinh. Một điều khá thú vị là hễ nơi nào có người Hoa sinh sống thì nơi đó sẽ xuất hiện những phố thị sầm uất với những hoạt động kinh tế nhộn nhịp; hễ nơi nào có đồng xu, tiền tệ là ở đó có người Hoa. Trong khoảng từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX, cùng với sự hình thành các cộng đồng người Hoa, ở Nam Bộ đã xuất hiện bốn đô thị mà sự hình thành và phát triển gắn liền với vai trò của người Hoa là: Nông Nại Đại Phố (Cù Lao Phố); Đô thị Mỹ Tho; Thương cảng Hà Tiên; Chợ Lớn.

*** Nông Nại đại phố (Cù lao Phố)**

Nông Nại đại phố xưa được xác định là vùng Cù lao Phố hiện nay thuộc xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (thuộc vùng đất Nam Bộ). Đây là một cù lao nằm giữa hai nhánh sông với vị thế thuận lợi về đường thủy. Khu vực này từng là điểm “trung gian” giữa miệt hạ lưu và thượng lưu sông Đồng Nai - trước gọi là Phước Long Giang.

Năm 1679, được sự chấp thuận của chúa Nguyễn, nhóm người Hoa do Trần Thượng Xuyên dẫn đầu đã vượt qua cửa biển Cần Giờ đến định cư ở vùng Bàn Lân (Biên Hòa). Khi đến đây, họ đã sớm phát hiện ra ưu thế của Nông Nại đại phố và tập trung Hoa thương đến sinh sống và buôn bán. Tuy nằm cách xa biển, nhưng Nông Nại đại phố lại là nơi sông sâu, có thể ngược lên phía Bắc khai thác nguồn hàng lâm thổ sản, xuống tận phía Nam, ra cửa

⁵ Điều này chứng tỏ hoạt động buôn bán và sản xuất hàng thủ công của người Hoa di trú không mâu thuẫn với quyền lợi kinh tế của giai cấp thống trị Việt Nam.

Cần Giờ, và có thể sang tận Cao Miên. Sẵn có vốn liếng, lại có kinh nghiệm đã được tích lũy, cộng với chính sách ưu đãi của chúa Nguyễn, việc phát hoang, dựng nhà, lập bến, mở mang đường xá, xây dựng phố chợ đã diễn ra nhanh chóng ở đây.

Với ý chí cần cù, nỗ lực phấn đấu theo hướng từ làm ăn nhỏ đến làm ăn lớn, từ người làm thuê thành ông chủ, từ ông chủ nhỏ thành ông chủ lớn cùng với việc nhạy bén trong việc nắm bắt đặc điểm cư dân bản xứ, đặc điểm thị trường và nhanh chóng nhận ra thế mạnh của từng vùng để có kế hoạch kinh doanh thích hợp,... Chỉ trong vài thập niên, đến đầu thế kỉ XVIII, những di dân người Hoa đã biến Nông Nại đại phố thành thương cảng sầm uất nhất ở miền Nam Việt Nam, thu hút nhiều thuyền buôn Nhật Bản, Trung Hoa và các nước phương Tây đến đây thông thương, trao đổi hàng hóa. Về sự sầm uất, Khang trang của Nông Nại đại phố sử cũ chép: *“Ở đầu phía Tây là Đại Phố khi mới khai thác, Trần Thượng Xuyên chiêu tập lái buôn người Trung Quốc lập ra phố xá, nhà ngói tường vôi, lầu cao chót vót, quán mấy tầng rực rỡ bên sông dưới ánh sáng mặt trời, liên tục năm dặm mở ba vạch đường phố. Phố lớn lát đường đá trắng, phố ngang lát đường đá ong, phố nhỏ lát đường đá xanh bằng phẳng như đá mài. Khách buôn tụ họp đông, thuyền biển, thuyền sông, tránh gió bỏ neo, lớn nhỏ sát nhau, là một nơi đô hội. Nhà buôn to giàu tập trung ở đây nhiều nhất”* (Trịnh Hoài Đức, 2005, tr. 194).

Thời kỳ này, thương khách đến Nông Nại đại phố không chỉ đơn thuần buôn bán mà còn được nghỉ ngơi giải trí trong thời gian thu mua hàng. *“Xưa nay thuyền buôn đến hạ neo xong là lên bờ thuê phố ở, rồi đến nhà chủ mua hàng, lấy lại kê khai hàng hoá trong thuyền và khuân cất lên, thương lượng giá cả, chủ mua hàng định giá mua bán tất cả hàng hoá tốt xấu không bỏ lại thứ gì. Đến ngày thương buôn trở về gọi là “hồi đường”, chủ thuyền có yêu cầu mua giúp vật thì chủ buôn ấy cũng chiêu theo ý ước mua giùm chở đến trước kỳ giao hẹn, hai bên chủ khách tính toán hoá đơn rồi cùng nhau đờn ca vui chơi, đã được nước ngọt tắm rửa sạch sẽ lại không lo sự trùng hà ăn lương vắn thuyền, khi về lại chở đầy hàng hoá khác rất là thuận lợi”* (Phan Khoang, 1969, tr. 412). Các mặt hàng trao đổi ở đây cũng rất phong phú và đa dạng, việc mua bán cũng dễ dàng không có gì trắc trở: *“Sản vật mà các chủ thuyền thường hay mua là những sản vật được sản xuất ở Đồng Nai như gạo, cá khô, sừng tê, ngà voi, gạc nai, các loại dược thảo phía Nam. Còn sản vật các chủ buôn thường nhận mua là những sản phẩm tiêu dùng gồm tơ lụa, vải bố, dược phẩm cho đến những đồ xa xỉ, trang trí như gạch ngói, sứ men, đá xay cột chùa, nhang đèn, giấy tiền vàng bạc,...”* (Diệp Đình Hoa, Phan Đình Dũng, 1998, tr. 128). Nông Nại đại phố trở thành nơi *“tàu thuyền người Hoa, người phương Tây, người Nhật, người Đồ Bà (Chà Và) tụ tập tấp nập, phong hóa Trung Quốc lần lần lan ra thành đờm cả vùng Đông Phố”* (Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng, 2005, tr. 89).

Nông Nại xứng đáng với mệnh danh “Đại Phố”. Sự phồn thịnh của nó đã gây tiếng vang lớn trong lịch sử Nam Bộ thời bấy giờ. Tuy nhiên, sự thịnh vượng của Nông Nại đại phố chỉ kéo dài đến nửa đầu thế kỉ XVIII thì bắt đầu đi xuống, vì nhiều nguyên nhân song chủ yếu do sự tàn phá của chiến tranh giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh. Nông Nại đại phố từ

khi hình thành và phát triển cho đến khi bị tàn phá, đã tồn tại 97 năm (1679 - 1776), gắn liền với công lao của Trần Thượng Xuyên cũng như di dân người Hoa.

*** Mỹ Tho đại phố**

Mỹ Tho đại phố hình thành trong cùng thời gian với Nông Nại đại phố. Vào năm 1679, một nhóm khoảng 1.000 người Minh Hương được chúa Nguyễn cho định cư vùng đất mới này. Trong nhóm có Dương Ngạn Địch đứng ra lập Mỹ Tho đại phố nằm dọc theo nhánh bên trái của rạch Mỹ Tho, bắt đầu từ bến Tầm Ngựa ở chỗ giao nhau giữa rạch Mỹ Tho với sông Tiền⁶. Với địa thế thuận lợi cho việc giao thương buôn bán, người Hoa đến đây định cư sống chủ yếu bằng nghề buôn bán và sản xuất thuốc đông y, tiểu thủ công nghiệp. Đồng thời với truyền thống buôn bán lâu đời, những người Hoa ở Mỹ Tho đại phố đã “vỡ đất hoang, lập phố xá”, thu hút thương nhân các nơi tới buôn bán, góp phần quan trọng trong việc xây dựng cơ sở vật chất ban đầu cho quá trình khai phá vùng đất này. Đến nửa cuối thế kỷ XVII, Mỹ Tho đại phố trở thành một trong hai trung tâm thương mại lớn nhất Nam Bộ lúc bấy giờ.

Hoạt động nội thương và ngoại thương ở Mỹ Tho đại phố diễn ra rất tập nập, nhộn nhịp. Từ chợ phố lớn Mỹ Tho, thuyền buôn có thể ngược dòng sông Tiền theo hướng tây lên Cai Lậy, Cái Bè và xa hơn nữa là Cao Miên; hoặc xuôi dòng sông Tiền về phía đông đến Chợ Gạo, Gò Công, rồi ra cửa Tiểu, sau đó đến chợ Sài Gòn hay Phú Xuân - Huế; hoặc theo kênh Bảo Định qua sông Vàm Cỏ Tây, Bến Lức đến chợ Sài Gòn. Không chỉ thế, chợ phố lớn Mỹ Tho còn là thương cảng có quan hệ buôn bán với nước ngoài, thu hút nhiều thuyền buôn các nước đến trao đổi hàng hóa. Sử cũ nói về sự phồn thịnh của chợ phố lớn Mỹ Tho như sau: *“Phía nam trị sở là chợ phố lớn Mỹ Tho, nhà ngói cột chạm, đình cao, chùa rộng, ghe thuyền ở các ngã sông biển đến đậu đông đúc, làm một đại đô hội, rất phồn hoa, huyền ảo; phàm là thuyền buôn các nơi qua lại phải đậu nghỉ ở sông Mỹ Tho, hóng mát, xem trăng, đợi con nước lên, thuận dòng lên tây hay xuống đông”* (Quốc sử quán Triều Nguyễn, 2007, tr. 451).

Về sau, Mỹ Tho đại phố ngày càng phát triển: *“Tính đến năm 1781, trải qua hơn 100 năm hoạt động nhộn nhịp, Mỹ Tho đại phố đã có sự phát triển mạnh mẽ, vừa là trung tâm kinh tế - thương mại, vừa là trung tâm chính trị - hành chính nổi bật của dinh Trấn Định nói riêng và cả vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung”* (Fujiwara Riichiro, 1974, tr. 144). Không chỉ là trung tâm hành chính, Mỹ Tho đại phố còn là trung tâm kinh tế - thương mại và là địa bàn trung chuyển quan trọng giữa các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long với Sài Gòn - Chợ Lớn.

Tuy nhiên, trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động của vùng đất Nam Bộ, sự tranh giành quyền lực, thôn tính nhau giữa các thế lực, Mỹ Tho đại phố cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Nội bộ nhóm người Hoa cũng xảy ra tranh chấp mà hậu quả là phó tướng Hoàng Tiến (Hoàng Tấn) nổi lên giết chủ tướng Dương Ngạn Địch vào năm 1788. Đồng thời Mỹ Tho

⁶ Khu vực này ngày nay thuộc Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

đại phố cũng bị cảnh tàn phá khi quân Tây Sơn tiến đánh. Năm 1785, quân Xiêm (Thái Lan) tràn sang và tàn phá,...

* Thương cảng Hà Tiên

Mạc Cửu (còn gọi là Mạc Kính Cửu), quê ở xã Lê Quách, huyện Khang Hải, phủ Lô Châu, tỉnh Quảng Đông. Ông là một nhà buôn năng động, thường đi lại buôn bán trên các tuyến đường biển từ Trung Quốc đến Philippine, Batavia (Indonesia) và cộng tác chặt chẽ với Trịnh Thành Công ở Đài Loan trong công cuộc chống lại nhà Thanh. Năm 1680, Mạc Cửu đem gia đình và những người thân tín lên thuyền rời Phúc Kiến (Trịnh Hoài Đức, 2005, tr.79).

Vốn là một thương nhân buôn bán trên biển, sau khi đặt chân đến Hà Tiên, việc làm đầu tiên và chủ yếu của Mạc Cửu là mở tiệm hút, trưng mua việc thu thuế hoa chi các sông bạc lớn để làm giàu, đồng thời bắt tay vào việc phát triển công cuộc kinh doanh buôn bán, nhất là việc buôn bán với nước ngoài, mở mang phố chợ, xây dựng thành quách. Nhiều tài liệu cho thấy Mạc Cửu đã kêu gọi và đón nhận thuyền buôn các nước đến buôn bán⁷, đồng thời cũng chủ động đặt quan hệ buôn bán với các nước. Năm 1728 và năm 1729, Mạc Cửu phái Lưu Vệ Quân và Huỳnh Tập Quan mang hai thương thuyền sang Nhật Bản liên hệ việc mậu dịch, được chính phủ Nhật Bản - Mạc Phủ Đức Xuyên cấp giấy phép buôn bán. Năm 1731 và năm 1732, lại phái thương thuyền sang Nhật. Việc buôn bán với Trung Quốc cũng được bắt đầu từ năm 1729, từ đó những thổ sản của Hà Tiên như hải sâm, cá khô, tôm khô,... liên tục xuất cảng sang Trung Quốc (Tân Việt Điều (dịch), 1961, tr. 554).

Để khuyến khích tàu buôn nước ngoài đến buôn bán, Mạc Cửu cho thi hành một chính sách thuế hàng hoá khá ưu đãi. Hàng hoá buôn bán chỉ phải chịu một món thuế nhỏ, do đó Hà Tiên sớm trở thành một thương cảng khá sầm uất với sự có mặt của rất nhiều thuyền buôn các nước đến thông thương, trao đổi hàng hóa.

Trước sự đe dọa của quân Xiêm và sự yếu kém của Chân Lạp, Mạc Cửu phải tìm nơi nương tựa để bảo tồn cơ nghiệp. Năm 1708, Mạc Cửu liên lạc với chúa Nguyễn Phúc Chu và đem đất Hà Tiên dâng lên. Chúa Nguyễn chấp nhận và sắc phong cho Mạc Cửu làm Tổng binh trấn Hà Tiên, phong tước Cửu Ngọc hầu. Sự kiện này được sử cũ ghi lại: *“Năm Mậu Tý, tức là 1708, tháng 8 ngày mồng 1, lấy Mạc Cửu làm Tổng binh trấn Hà Tiên... Thấy ở đất ấy tương truyền có người tiên thường hay hiện ra ở trên sông nhân thế đặt tên là Hà Tiên. Đến đây, Cửu ủy cho người bộ thuộc là Trương Cầu và Lý Xã dâng thư xin làm Hà Tiên trưởng. Chúa nhận cho, trao cho chức Tổng binh. Cửu xây dựng dinh ngũ, đóng ở Phương Thành, nhân dân ngày càng đến đông”* (Trịnh Hoài Đức, 2005, tr. 162).

Năm 1735, Mạc Cửu mất, con là Mạc Thiên Tứ (còn gọi là Mạc Thiên Tích) thay cha làm Đô đốc trấn Hà Tiên. Lúc đó, Hà Tiên đã phồn thịnh, nên chúa Nguyễn đã cho Mạc

⁷ Theo Trần Kinh Hoà, trước khi chạy sang Chân Lạp, Mạc Cửu đã là một chủ thuyền buôn rất hoạt động, luôn luôn sang Philippin và Batavia buôn bán. Và Mạc Cửu cũng đã từng giúp Trịnh Thành Công ở Đài Loan, khuếch trương mậu dịch giữa Đài Loan và hải ngoại (*Văn hoá Á châu* số 6, tháng 10/1938).

Thiên Tứ quyền hạn rộng rãi hơn: “*Được cấp cho ba chiếc thuyền Long bài miễn thuế để thông thương với hải ngoại, được phép đúc tiền*” (Quốc sử quán Triều Nguyễn, 2007, tr. 321). Kế tục sự nghiệp của cha, Mạc Thiên Tứ cho xây dựng thành lũy, lập quân ngũ, đặt nha thuộc, khuếch trương phố, chợ, đẩy mạnh việc thông thương với nước ngoài, làm cho tàu thuyền buôn bán ngoại quốc tới lui càng đông. Năm 1740 và 1742, Mạc Thiên Tích hai lần phái hai thuyền chủ Ngô Chiêu Viên và Lâm Thiên Trường cùng thuyền buôn sang Nagasaki để xúc tiến việc mậu dịch với Nhật Bản (Anh Nguyễn, 1957, tr. 1033). Đi đôi với việc mở rộng buôn bán với các nước, Mạc Thiên Tích còn khuếch trương việc xây dựng phố chợ, đường xá, xây cất dinh thự, đền miếu, trại quân, kho tàng, công xưởng (xưởng sửa chữa tàu thuyền), thành lũy,... làm cho bộ mặt của thương cảng Hà Tiên càng được đổi mới, càng trở nên sầm uất với cảnh “*đường lối tiếp giáp, phố xá liên lạc, người Việt, người Tàu, người Cao Miên, người Đồ Bà đều theo chủng loại cư trú, ghe thuyền ở sông biển qua lại nơi đây không dứt, thật là một đại đô hội nơi góc biển vầy*” (Cao Tự Thanh, 2004, tr. 21)

Những hoạt động nói trên của Mạc Cửu và Mạc Thiên Tích đã nhanh chóng mang lại sự trù mật cho thương cảng Hà Tiên, từ đó thu hút thêm nhiều lưu dân đến ở trong đó có người Việt, người Hoa, người Giava và dân cư Khơme gần bên “... *Cảng Khẩu quốc là một xứ miền Tây Nam Hải, ở giữa An Nam và Xiêm La... Vua đương thời tên là Thiên Tứ (Mạc Thiên Tứ – con của Mạc Cửu). Lịch sử truyền ngôi chưa rõ. Xứ ấy có núi cao nhưng lãnh thổ chỉ vài trăm dặm. Thành lũy làm bằng cây. Nhà cửa không khác gì với Trung Quốc. Từ nhà của vương đến dân thường tất cả đều làm bằng gạch ngói. Trong cách ăn mặc họ bắt chước theo triều đại trước (triều Minh). Vương búi tóc bọc lưới, đội khăn hay mũ bằng nhiều, mình mặc áo thêu rồng, đai bằng sừng, mang hia. Dân chúng mặc áo cổ cao, tay rộng,... phong tục thì trọng văn, thích thơ ca. Trong xứ có miếu thờ Khổng Tử, từ vương đến nhà dân ai cũng thờ kính,...*” (Huỳnh Ngọc Đáng, 1999, tr. 42).

Có thể thấy, thương cảng Hà Tiên hình thành và phát triển, trong đó người Hoa có vai trò rất quan trọng. Thương cảng Hà Tiên trở thành một trung tâm kinh tế và văn hóa nổi bật ở vùng phía nam Nam Bộ. Cộng đồng người Hoa ở Hà Tiên độc lập nhưng không biệt lập, khép kín. Trong quá trình phát triển của mình, họ đã dần dần hội nhập vào Việt Nam về mọi phương diện. Về sau do nhiều biết cố lịch sử, thương cảng Hà Tiên cũng bị lụi tàn, phần lớn người Hoa ở đây đã phiêu tán đi các nơi khác, trong số đó phần nhiều tập trung đến vùng Chợ Lớn để tiếp tục sinh cơ lập nghiệp, phát triển ngoại thương.

* Chợ Lớn

Những biến cố của vùng đất Nam Bộ nói chung hay từng địa bàn như xứ Nông Nại đại phố, Mỹ Tho đại phố, Thương cảng Hà Tiên đã làm cho các trung tâm này mất dần đi vị thế của mình. Cộng đồng người Hoa tại các nơi này đã xiêu tán, tìm đến các nơi khác sinh sống. Sau những biến cố đó, dẫu có một số người Hoa trở lại để sinh sống nhưng các nơi này đã không còn như xưa. Sử cũ cho biết: Xứ Nông Nại “...*chỗ này biến thành vườn gò hoang. Sau khi trung hưng tuy có người trở về, nhưng chưa bằng một phần trăm (mười phần ngàn) lúc trước*” (Trịnh Hoài Đức, 2005, tr. 238). Còn đối với Mỹ Tho đại phố thì “từ

năm 1788, dân cư mới lần lượt trở về, tuy có trù mật, nhưng đối với xưa chưa được phân nửa” (Trịnh Hoài Đức, 2005, tr. 238, 241).

Sự suy tàn của các địa điểm vốn hưng thịnh một thời này lại là một điều kiện thuận lợi cho vùng Chợ Lớn phát triển. Vùng Chợ Lớn⁸ từ năm 1788 bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển, trở thành một trung tâm có vị thế quan trọng trong hướng phát triển của chúa Nguyễn đối với vùng đất Nam Bộ. Cùng với những nhóm cư dân đến trước, người Hoa từ các vùng chiến tranh, loạn lạc tìm đến Chợ Lớn sinh sống và góp phần làm cho nơi đây trở thành trung tâm thương mại danh tiếng. Chợ Lớn thời bấy giờ được mô tả: *“Các đường đan xuyên nhau hình chữ điền, phố xá liền mái nhau, người Việt và người Tàu ở chung lộn dãi độ 3 dặm. Hàng hóa trong phố bày bán có: gấm, đoạn, đồ sứ, giấy má, châu báu trang sức, hàng sách vở, tiệm thuốc, tiệm trà, tiệm hủ tẩu. Hai đầu nam bắc bên sông không gì là không có... nam nữ dập dìu, thật là một phố lớn nơi đô hội náo nhiệt”* (Trịnh Hoài Đức, 2005, tr. 229). Sau này, Chợ Lớn còn phát triển với những ngành kinh tế mà người Hoa giữ vai trò chính: *“tập trung tất cả nền thương mại vùng này và của gần như cả miền Hạ Nam Bộ, nền thương mại mà người Tàu đã biết chiếm lấy và có thể nói là độc quyền”* (Ngô Ái Long, 1998, tr. 14).

Từ cuối thế kỉ XVIII, Chợ Lớn trở thành đầu mối cung cấp hàng hóa cho cả khu vực mà hầu hết những nhà buôn lớn là người Hoa. Người Hoa ở Chợ Lớn đã bước đầu thành lập nên các Bang, Hội của mình để quản lý việc buôn bán và tương trợ lẫn nhau trong quá trình định cư tại khu vực này. Những người Minh Hương ở đây chủ yếu làm dịch vụ xay xát, xuất cảng lúa gạo và các loại nông phẩm khác, đồng thời cung cấp nhu yếu phẩm xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trên bản đồ thành phố Sài Gòn năm 1795, địa bàn Chợ Lớn đã được mệnh danh là Bazar Chinois (chợ Trung Hoa, hay còn gọi là Phố Khách). Đặc biệt sau khi vua Gia Long lên ngôi (1802 - 1820), Chợ Lớn phát triển một cách nhanh chóng. Ngoài việc buôn bán lúa gạo và các nông sản khác, Hoa thương ở đây đã làm chủ việc phân phối các mặt hàng nhu yếu phẩm tiêu dùng hàng ngày do các nhà buôn từ Trung Quốc, các nước trong khu vực Đông Nam Á và từ châu Âu chuyển tới. Trước thời điểm thực dân Pháp thiết lập chế độ thuộc địa tại Nam Bộ Việt Nam, ở Chợ Lớn đã có tới 500 ngôi nhà, có 2 kênh đào, 5 cây cầu, nhiều kho hàng và các xưởng đóng thuyền. Hoạt động buôn bán của họ ở đây tập nập suốt ngày đêm (Trịnh Hoài Đức, 2005, tr. 300). Kinh Tàu Hủ (hay Kinh Chợ Lớn) được khởi công đào năm 1819, là đường thủy vận nối liền Sài Gòn - Chợ Lớn với các sông ngòi tại đồng bằng sông Cửu Long, nơi đây người Hoa vận chuyển hàng nhập cảng hay nội địa về bán cho cư dân lục tỉnh Nam Kỳ, sau đó mua lúa gạo, gia cầm và nông phẩm khác về bán lại. Hai bên bờ kinh sinh hoạt của người Hoa rất tập nập (Lê Xuân Diệm, 2002, tr. 68).

Năm 1819, Huỳnh Công Lý cho đào sông An Thông làm cho Chợ Lớn trở thành nơi “tập nập, đô hội”. Sau đó, người Minh Hương đã góp sức xây thêm kè, lát thêm cầu tàu

⁸ Chợ Lớn cách Sài Gòn 5 km về phía Tây Nam do người Hoa lập ra năm 1778, Chợ Lớn thường được gọi là chợ người Hoa, người đương thời còn gọi là Chợ Sài Gòn.

bằng đá, tạo thành một bến cảng lớn rất sầm uất. Năm 1822, một nhà ngoại giao người Anh Finlayson đến Sài Gòn đã đánh giá: mỗi cái trong hai thị trấn Bến Nghé (tức Sài Gòn sau này) và Sài Gòn (tức Chợ Lớn bây giờ) đều to lớn bằng kinh đô Bangkok của nước Xiêm (Nguyễn Văn Huy, 1973, tr. 213). Ông mô tả “*Nhà cửa rộng lớn, thích hợp với phong thổ. Mái lợp ngói, cột điều mộc. Vách thì trét đất sét lên sườn tre rồi tô hồ lên. Nhiều nhà cao tầng, sàn bằng ván, xếp hàng dọc theo bờ kênh, bờ sông hay dọc theo đường cái rộng quang đãng. Phố xá ngay hàng thẳng lối hơn là ở nhiều kinh thành Châu Âu*” (Nguyễn Văn Huy, 1973, tr. 214).

Không chỉ là trung tâm buôn bán sầm uất trong nước, Chợ Lớn cũng mở rộng hoạt động buôn bán với nhiều nước trong khu vực. Các thương nhân người Hoa ở Chợ Lớn thường xuyên giao lưu buôn bán với thương nhân Campuchia, lại thêm chính sách đón nhận tàu buôn nước ngoài thời Lê Văn Duyệt làm Tổng trấn Gia Định làm cho các hoạt động buôn bán và sản xuất ở Chợ Lớn càng thêm phát triển.

Khi thực dân Pháp đánh chiếm Nam Bộ và bắt tay vào cai trị thì tình hình cơ cấu, tổ chức của người Hoa ở Chợ Lớn cũng biến động theo. Sau khi hoàn tất việc chiếm đóng Việt Nam (1884), vì muốn giữ quan hệ ngoại giao tốt với Trung Hoa, chính quyền thuộc địa Pháp công nhận những người Hoa sống tại Việt Nam là công dân Trung Hoa, xác nhận sự bình đẳng của người Hoa với người Việt về nhiều phương diện, cả về tính mạng và tài sản, cho phép người Hoa đi lại tự do và được thành lập những cơ sở kinh doanh trên khắp lãnh thổ Nam Bộ. Tại Chợ Lớn, người Hoa cư ngụ trong mỗi phố được quyền thành lập một đại bang để quản lý những vấn đề nội bộ của người Hoa (Nguyễn Cẩm Thúy (chủ biên), 2000, tr.23).

4. Một vài nhận định, đánh giá

Sau khi triều đình Mãn Thanh thay thế triều Minh cai trị Trung Quốc, một số lương tướng nhà Minh trong phong trào “Pphản Thanh phục Minh” nhưng thất bại, đã theo đường biển sang tìm nơi trú ẩn ở khu vực Đàng Trong của chúa Nguyễn. Thời điểm bấy giờ, chúa Nguyễn đang cần lực lượng khẩn hoang cho vùng đất phía Nam càng nhiều càng tốt nên đã nhanh chóng cho lực lượng này đi khai hoang vùng đất Nam Bộ. Ban đầu, nơi vùng đất mới, lực lượng người Hoa khẩn hoang, lập làng lập ấp. Tuy nhiên, với kinh nghiệm buôn bán đã có từ trước, những người Hoa này nhanh chóng mở mang các hoạt động thương mại. Với điều kiện tự nhiên của vùng đất Nam Bộ giàu có về sản vật, người Hoa có điều kiện phát huy năng lực thương mại của mình.

Nhờ nhận biết được vị trí và điều kiện tự nhiên thuận lợi của vùng đất mới, cũng như những chính sách khuyến khích và bảo hộ quyền chiếm hữu ruộng đất để khai khẩn đối với người dân của các chúa Nguyễn mà công cuộc khẩn hoang ở Nam Bộ đã mở rộng rất nhanh và sản xuất nông nghiệp sớm đi vào sản xuất lớn, đưa tới hình thành một nền kinh tế hàng hóa phát triển với thị trường nông sản hàng hóa dồi dào. Trên cơ sở đó, chính quyền phong kiến cũng vì thế mà được thiết lập và củng cố ngày càng vững mạnh.

Do những đặc điểm riêng trong quá trình khẩn hoang, hình thức sở hữu tư nhân về ruộng đất đã sớm hình thành và giữ vị trí chủ đạo ở vùng đồng bằng Nam Bộ. Quá trình tích

tụ, tập trung ruộng đất vào tay các địa chủ đã giúp cho bộ phận này nắm được một số lượng nông sản to lớn. Lượng nông sản đó được đưa ra thị trường và trở thành hàng hoá trao đổi.

Do sản xuất hàng hoá phát triển và việc buôn bán sớm trở thành một hoạt động kinh tế quan trọng, cho nên trong thế kỷ XVIII, vùng này đã xuất hiện nhiều thị tứ, nhiều điểm buôn bán sầm uất, trong đó có một số điểm đã trở thành những trung tâm thương mại và giao dịch quốc tế nổi tiếng như Nông Nại Đại Phố ở Biên Hoà, Mỹ Tho đại phố ở Tiền Giang, thương cảng Sài Gòn (tức Chợ Lớn ngày nay), thương cảng Hà Tiên,... Trong khi Nông Nại đại phố trở thành thương cảng sầm uất, hoạt động thương mại nhộn nhịp ở Đông Nam Bộ thì Mỹ Tho đại phố phát triển trở thành một trong những trung tâm, điều phối hoạt động thương mại của khu vực Tây Nam Bộ và góp phần hướng nền nông nghiệp ở Nam Bộ ngay từ rất sớm đi vào sản xuất hàng hóa. Sang thế kỷ XIX, mặc dù Nông Nại đại phố, Mỹ Tho đại phố, thương cảng Hà Tiên không còn vị thế như trước sau những biến cố và Chợ Lớn dần thay thế vai trò thương mại quan trọng trong vùng, nhưng Nông Nại đại phố, Mỹ Tho đại phố, thương cảng Hà Tiên vẫn được xem như các đầu mối trung gian tập trung hàng hóa về vùng Chợ Lớn rồi theo đó buôn bán ra bên ngoài. Chính các hoạt động thương mại này đã giúp cho nông sản của Nam Bộ có thể tiếp cận với các quốc gia bên ngoài thông qua các thương cảng mà người Hoa đã thiết lập nên trên vùng đất Nam Bộ. Hoạt động ngoại thương phát triển, giúp Nam Bộ phát triển nền kinh tế hàng hóa mang yếu tố tiền tư bản trong nửa sau thế kỷ XVII – đầu thế kỷ XIX, góp phần quan trọng vào sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Kéo theo đó là sự phát triển của tầng lớp đại địa chủ trên vùng đất này.

Sự có mặt của người Hoa trên vùng đất Nam Bộ trong nhiều thế kỉ, đặc biệt là khoảng thời gian từ thế kỉ XVII đến XIX, đã để lại những dấu ấn sâu sắc với các đô thị phát triển sầm uất. Các cộng đồng người Hoa không chỉ có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự hình thành những đô thị ở khu vực này mà những hoạt động kinh tế của họ còn góp phần đưa các đô thị đó trở thành những trung tâm thương mại sầm uất và thịnh vượng trong suốt ba thế kỉ. Nông Nại đại phố, Mỹ Tho đại phố, thương cảng Hà Tiên, Chợ Lớn,... là những đô thị trong đó vai trò, đóng góp của người Hoa được thể hiện rõ nét trong quá trình hình thành và phát triển.

Hơn ba thế kỷ với nhiều đổi thay trong diễn trình lịch sử Nam Bộ, sự hình thành các trung tâm thương mại gắn với cộng đồng người Hoa là một yếu tố tích cực cho sự phát triển kinh tế hàng hóa của vùng đất này. Dấu tích của các trung tâm thương mại như Nông Nại đại phố (Đồng Nai), Mỹ Tho đại phố (Tiền Giang), thương cảng Hà Tiên (Kiên Giang) ngày nay còn lại không nhiều. Thế nhưng, với quá trình phát triển trong lịch sử, những trung tâm thương mại này đã đặt những nền móng cơ sở cho sự phát triển kinh tế ở các địa phương nói riêng, cho cả Nam Bộ nói chung. Trong đó, khu vực Chợ Lớn hiện nay vẫn là một trong những trung tâm buôn bán phồn thịnh không chỉ của người Hoa mà còn có cả người Việt, đồng thời nó cũng là một trung tâm kinh tế không thể thiếu của thành phố được xem là năng động bậc nhất Việt Nam hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Xuân Diễm (2002). Bước đầu tìm hiểu sự hình thành & phát triển đô thị ở Nam Bộ. *Nam Bộ đất và người*, TP HCM: Trẻ.
2. Huỳnh Ngọc Đáng (1999). *Chính sách của chính quyền Đảng Trong đối với người Hoa (từ năm 1600 đến năm 1777)*, Luận văn thạc sĩ khoa học lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Tân Việt Điều (dịch, 1961). Hà Tiên trấn Hiệp trấn Mạc thị gia phả. *Văn hoá nguyệt san*, số 61, tháng 6.
4. Trịnh Hoài Đức (2005). *Gia Định thành thông chí* (bản dịch của Lý Việt Dũng). NXB Tổng hợp Đồng Nai.
5. Fujiwara Riichiro (1974). Chính sách đối với dân Trung Hoa di cư của các triều đại Việt Nam. *Việt Nam khảo cổ tập san*, số 8.
6. Nguyễn Văn Huy (1973). *Người Hoa ở Việt Nam*. NXB NBC Paris.
7. Diệp Đình Hoa, Phan Đình Dũng (1998). *Làng Bến Cá xưa và nay*. NXB Tổng hợp Đồng Nai.
8. Ngô Ái Long (1998). Người Hoa & công cuộc khai phá vùng đất Sài Gòn - Gia Định. *Tạp chí Xưa & Nay*, số 55 B.
9. Trần Khánh (1992). *Vai trò của người Hoa trong nền kinh tế các nước Đông Nam Á*. NXB Đà Nẵng.
10. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt (2016), *Vai trò của tầng lớp địa chủ trong công cuộc khai phá và phát triển vùng đất ĐBSCL từ thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX*, Luận án tiến sĩ Trường ĐHKHXH&NV (ĐHQG TP HCM).
11. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục, tập 1*, Viện Sử học dịch (tái bản lần thứ nhất). Hà Nội: Giáo Dục.
12. Quốc sử quán triều Nguyễn (1962). *Đại Nam thực lục tiền biên*, Bản dịch của Viện Sử học Hà Nội. Hà Nội: Sử học.
13. Cao Tự Thanh (2004). Hà Tiên quá khứ và tương lai. *Tạp chí Xưa và nay*, số 266.
14. Nguyễn Cẩm Thúy (chủ biên, 2000). *Định cư của người Hoa trên đất Nam Bộ (từ thế kỷ XVII đến năm 1945)*. Hà Nội: Khoa học xã hội.